

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST

Ngày 21/9/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh và ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 141/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Chu Huy L.

Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Bà Võ Thị L1.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/9/2022, ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1 có vay của tôi số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất 6%/tháng. Tôi đã chuyển tiền vào tài khoản của bà L1, số tài khoản 5201205276580 tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh Ea Kar. Sau 10 ngày ông B, bà L1 không trả được nợ như cam kết và khất lại tôi. Sau đó, ông B bà L1 có trả được cho tôi số tiền lãi 20.000.000 tiền lãi và xin khất tiếp vì chưa vay được Ngân hàng.

Sau nhiều lần tôi yêu cầu trả nợ nhưng không trả thì ngày 21/12/2022, ông B, bà L1 có đưa cho tôi 02 Giấy chứng nhận QSD đất số CL 215204 và BL 825338 cho tôi giữ và hẹn ngày 21/02/2023 sẽ trả cả gốc và lãi cho tôi. Trong giấy vay có

cam kết nếu không trả được tiền cho tôi thì sẽ sang tên sổ đỏ cho tôi. Từ đó đến nay, ông B, bà L1 vẫn không trả cho tôi số tiền còn nợ lại.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông B, bà L1 phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng. Về lãi suất, tôi yêu cầu trả mức lãi suất 20%/năm.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Ngày 21/9/2022, tôi và bà L1 có vay của ông L số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất 6%/tháng. Ông L đã chuyển tiền vào tài khoản của bà L1, số tài khoản 5201205276580 tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh Ea Kar. Sau 10 ngày chúng tôi không trả được nợ như cam kết và khất lại. Chúng tôi có trả được cho ông L số tiền lãi 20.000.000 đồng tiền lãi và xin khất tiếp vì chưa vay được Ngân hàng.

Sau nhiều lần ông L yêu cầu trả nợ nhưng chúng tôi không trả được nên ngày 21/12/2022, chúng tôi có đưa cho ông L 02 Giấy chứng nhận QSD đất số CL 215204 và BL 825338 cho ông L giữ và hẹn ngày 21/02/2023 sẽ trả cả gốc và lãi cho ông L. Trong giấy vay có cam kết nếu không trả được tiền cho ông L thì sẽ sang tên sổ đỏ cho ông L. Từ đó đến nay, chúng tôi vẫn không trả cho ông L số tiền còn nợ lại.

Vì vậy, tôi đồng ý tôi và bà L1 sẽ trả cho ông L số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tôi và bà L1 đã ly hôn, nên tôi và bà L1 mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, lãi. Ông L phải trả lại cho chúng tôi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị L1 trình bày:

Tôi thừa nhận, ngày 21/9/2022, tôi và ông B có vay của ông L số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất 6%/tháng. Ông L đã chuyển tiền vào tài khoản của tôi 5201205276580 tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh Ea Kar. Sau 10 ngày chúng tôi không trả được nợ như cam kết và khất lại. Sau đó, chúng tôi có trả được cho ông L số tiền lãi 20.000.000 đồng tiền lãi và xin khất tiếp vì chưa vay được Ngân hàng. Sau nhiều lần ông L yêu cầu trả nợ nhưng tôi và ông B không trả được nên ngày 21/12/2022, chúng tôi có đưa cho ông L 02 Giấy chứng nhận QSD đất số CL 215204 và BL 825338 cho ông L giữ.

Vì vậy, tôi thừa nhận tôi và ông B còn nợ ông L số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tôi đồng ý sẽ trả cho ông L tiền lãi là 20%/năm. Nhưng hiện nay tôi và ông B chưa chia tài sản nên tôi không đồng ý trả nợ cho ông L. Ông L phải trả lại cho chúng tôi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Huy L. Buộc ông Nguyễn Ngọc B và bà Võ Thị L1 có nghĩa vụ trả cho ông L tổng số tiền nợ là 400.000.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng (tính đến ngày 21/9/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn, ông Nguyễn Ngọc B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 184/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2018, ông B, bà L1 có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea Kar Đắk Lắk số tiền gốc 350.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2022, ông B, bà L1 có vay của ông L số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất 6%/tháng. Ông L đã chuyển tiền vào tài khoản số 5201205276580 của bà L1. Sau 10 ngày ông B, bà L1 không trả được nợ như cam kết nên khát lại và có trả cho ông L số tiền lãi 20.000.000 đồng. Sau nhiều lần ông L yêu cầu trả nợ nhưng không trả thì ngày 21/12/2022, ông B, bà L1 có đưa cho ông L giữ 02 Giấy chứng nhận QSD đất số CL 215204 và BL 825338 và hẹn thời gian trả là ngày 21/02/2023.

Như vậy, việc vay mượn tiền giữa ông B, bà L1 và ông L là có thật, được thể hiện bằng giấy mượn tiền ngày 21/12/2022 và sự thừa nhận của các bên. Hiện nay ông L đang giữ 02 Giấy chứng nhận QSD đất số CL 215204 và BL 825338 của ông B, bà L1 để làm tin.

Sau khi vay, đến hạn trả nợ theo thỏa thuận và cho đến nay, ông B, bà L1 mới chỉ trả được cho ông L 20.000.000 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả được số tiền gốc, lãi nào khác. Hiện nay, ông B, bà L1 còn nợ ông L số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất.

Ông B hoàn toàn thừa nhận việc vay tiền của ông L và đồng ý trả nợ gốc, cụ thể, ông B và bà L1 mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông L $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, lãi. Về lãi suất, ông B chỉ đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

Bà L1 thừa nhận hiện nay bà L1 và ông B còn nợ ông L số tiền gốc là 350.000.000 đồng; bà L1 đồng ý sẽ trả cho ông L tiền lãi là 20%/năm. Nhưng bà L1 không đồng ý trả nợ cho ông L vì hiện nay bà L1 và ông B chưa chia tài sản nên không có khả năng để trả nợ. Xét ý kiến của bà L1 về việc không đồng ý trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy, bà L1 và ông B ly hôn vào ngày 12/11/2021. Tuy nhiên, về phần tài sản chung và công nợ chung, bà L1 và ông B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 21/9/2022, bà L1 và ông B cùng vay ông L số tiền 350.000.000 đồng để trả khoản nợ ngân hàng mà bà L1, ông B vay trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2018. Như vậy, đây là khoản nợ chung của bà L1 và ông B, nên bà L1 và ông B cùng phải có nghĩa vụ trả cho ông L. Mặc dù hiện nay bà L1 và ông B chưa phân chia tài sản chung và công nợ chung, nhưng bà L1 và ông B đã ly hôn, nên bà L1 và ông B mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ.

- Về lãi suất: Các đương sự thống nhất thỏa thuận mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận, lãi suất cụ thể như sau: 350.000.000 đồng x 20%/năm x 12 tháng (từ ngày 21/9/2022 đến ngày 21/9/2023) = 70.000.000 đồng.

Ông B, bà L1 đã trả cho ông L số tiền lãi là 20.000.000 đồng, nên tiền lãi còn lại là 50.000.000 đồng.

Từ những căn cứ và nhận định trên, xét thấy việc ông B, bà L1 không trả nợ cho ông L khi đến hạn là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ, nên cần chấp nhận. Buộc ông B, bà L1 phải trả cho ông L tổng số tiền nợ là 400.000.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông B, bà L1, mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ. Cụ thể: Ông B có nghĩa vụ trả cho ông L 175.000.000 đồng nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi; bà L1 có nghĩa vụ trả cho ông L 175.000.000 đồng nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

[4] Ông L có nghĩa vụ trả lại cho ông B, bà L1 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 215204, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/10/2017, đứng tên ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1; 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1 825338, do Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar cấp ngày 18/9/2014, đứng tên ông Phạm Văn B1, bà Đào Thị H; biên động chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1 ngày 27/12/2014.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị L1 phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Chu Huy L số tiền 11.960.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001061 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Huy L. Buộc ông Nguyễn Ngọc B và bà Võ Thị L1 có nghĩa vụ trả cho ông L tổng số tiền nợ là 400.000.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng (tính đến ngày 21/9/2023). Ông B và bà L1, mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ, cụ thể: Ông B có nghĩa vụ trả 175.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi; bà L1 có nghĩa vụ trả 175.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Ông Chu Huy L có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Ngọc B và bà Võ Thị L1 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 215204, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/10/2017, đứng tên ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1; 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 825338, do Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar cấp ngày 18/9/2014, đứng tên ông Phạm Văn B1, bà Đào Thị H; biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Nguyễn Ngọc B, bà Võ Thị L1 ngày 27/12/2014.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị L1 phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Chu Huy L số tiền 11.960.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001061 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải